

VỀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN MẦM NON TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

TS. ĐINH HỒNG THÁI
Trưởng Đại học sư phạm Hà Nội

Từ năm 1993, ngành sư phạm mầm non nước ta bắt đầu chính thức đào tạo giáo viên (GV) mầm non có trình độ đại học hệ chính quy (ở khoa Giáo dục mầm non, trường Đại học sư phạm Hà Nội). Từ đó đến nay, đã có hàng ngàn sinh viên (SV) được đào tạo và tốt nghiệp theo hệ này. Các cử nhân sư phạm giáo dục mầm non (GDMN) đã có mặt ở khắp các miền đất nước, là một lực lượng quan trọng tham gia vào việc nâng cao chất lượng của bậc học GDMN cả nước.

Trong những năm qua, chương trình đào tạo đã có những thay đổi tùy theo yêu cầu của từng giai đoạn. Tuy vậy, cho đến nay vẫn chưa có công trình nghiên cứu khoa học nào về đánh giá (ĐG) chương trình đào tạo cử nhân khoa GDMN ở trường Đại học sư phạm (ĐHSP) được công bố. Vấn đề này rất quan trọng bởi sự ĐG giúp ta có một cái nhìn khách quan, đúng đắn về giá trị, hiệu quả đào tạo của chương trình, tìm ra những ưu điểm để phát huy, những nhược điểm, thiếu sót để khắc phục, tiến tới những điều chỉnh cần thiết để chương trình ngày một hoàn thiện góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Vì vậy, nghiên cứu về ĐG chương trình đào tạo cử nhân hệ chính quy khoa GDMN là yêu cầu bức xúc hiện nay.

Mục đích nghiên cứu nhằm xây dựng phương pháp ĐG để ĐG được những mặt mạnh, mặt yếu khác nhau của chương trình đào tạo cử nhân hệ chính quy khoa GDMN tại trường ĐHSP Hà Nội, làm căn cứ cho việc điều chỉnh, hoàn thiện chương trình đáp ứng nhu cầu đào tạo của thời kỳ mới được tốt hơn. Về mặt lý luận, đề tài nhằm làm sáng tỏ hai vấn đề: - Quan niệm thế nào là một chương trình đào tạo, là cơ sở để xem xét những nội dung cần phải ĐG; - ĐG chương trình theo hình thức nào. Điều này quyết định việc lựa chọn phương pháp ĐG. Về chương trình đào tạo, có những quan điểm khác nhau, nhiều vấn đề chưa được thống nhất. Tuy nhiên, đa số tán thành với ý kiến của Tim Wentling (1993) khi ông định nghĩa: "Chương trình đào tạo (curriculum) là một bản thiết kế tổng thể cho một hoạt động đào tạo, ... Bản thiết kế tổng thể đó nêu toàn bộ nội dung cần đào tạo, chỉ rõ ra những gì ta có thể trông đợi ở người học sau khóa học; nó phác họa ra quy trình cần

thiết để thực hiện nội dung đào tạo; nó cũng cho ta biết các phương pháp đào tạo và các cách thức kiểm tra, ĐG kết quả học tập và tất cả những cái đó được sắp xếp theo một thời gian biểu chặt chẽ".

Tác giả Tyler (1949) trước Tim Wentling cũng đã nêu 4 thành tố cơ bản của chương trình đào tạo là: mục tiêu, nội dung, phương pháp hay quy trình đào tạo và ĐG kết quả đào tạo. Về tiếp cận xây dựng chương trình, theo ông cần chú ý hai vấn đề: tiếp cận mục tiêu và tiếp cận phát triển. Tiếp cận mục tiêu là căn cứ vào mục tiêu cụ thể cần đạt ở sản phẩm đào tạo để thiết kế chương trình; tiếp cận phát triển là chương trình được thiết kế nhằm vào sự phát triển các năng lực của người học.

Về hình thức ĐG chương trình, các chuyên gia ĐG thống nhất có 4 hình thức là: 1) ĐG xây dựng chương trình (Evaluation & Development); 2) ĐG thiết kế (Design Evaluation); 3) ĐG quá trình (Process Evaluation); 4) ĐG tổng kết hay ĐG hiệu quả (Summative Evaluation or Impact Evaluation).

Căn cứ vào yêu cầu của xã hội và xu thế của thời đại, chúng tôi lựa chọn hình thức thứ 4: ĐG hiệu quả chương trình đào tạo. Để thực hiện được nhiệm vụ ĐG có thể tiến hành 3 việc sau:

- Điều tra ý kiến của những SV đã tốt nghiệp, không ít người trong số họ ra trường có việc làm, là GV tại các trường mầm non để ĐG hiệu quả đào tạo (1).
- Dựa vào ý kiến ĐG của các cán bộ quản lý ngành học Mầm non ở khắp địa phương đã sử dụng sản phẩm đào tạo để ĐG hiệu quả đào tạo của khoa GDMN trường ĐHSP Hà Nội (2).
- ĐG kết quả học tập của SV giai đoạn 2 (giai đoạn chuyên ngành).

Trong 3 việc trên, việc (1) và (2) là những việc cho kết quả có độ tin cậy cao, vì vậy có thể thiết kế hai bộ phiếu điều tra chọn mẫu cho hai việc này là: - Bộ phiếu điều tra chọn mẫu (1): nhằm tập hợp ý kiến của những SV đã tốt nghiệp về các môn học chuyên ngành thuộc giai đoạn 2 (gồm hai nội dung). Nội dung thứ nhất: SV phải trả lời về ĐG của bản thân về mức độ kiến thức được trang bị và nhu cầu kiến thức cần có để thực hiện tốt nhiệm vụ của một GV ở trường mầm non. Khoảng cách giữa nhu cầu và kết quả thu được sẽ là một tiêu chí để ĐG hiệu quả đào tạo. Nội dung thứ hai: SV phải ĐG một cách toàn diện các khía cạnh khác nhau của từng chương trình môn học, nội dung đào tạo, mức độ kiến thức lý thuyết và thực hành,

phương pháp dạy học, điều kiện học tập,... Các tiêu chí này sẽ thay theo mức độ quan trọng mà nhân hệ số điểm ĐG cho phù hợp và cuối cùng, tổng môn học sẽ được ĐG bằng số điểm tối đa là 100. Hai nội dung của bộ phiếu điều tra chọn mẫu số 1 gồm các các phiếu cho các nội dung là:

Phiếu điều tra chọn mẫu (nội dung thứ nhất)

| Mức độ các kiến thức chi tiết được trang bị qua chương trình | Tên các học phần | Mức độ các kiến thức mà chỉ mong muốn được lĩnh hội để đảm nhận tốt công việc của GV mầm non |
|--|-------------------------|--|
| 1 2 3 4 5 | 1. Sinh lý trẻ | 1 2 3 4 5 |
| 1 2 3 4 5 | 2. Dinh dưỡng | 1 2 3 4 5 |
| 1 2 3 4 5 | 3. Bệnh trẻ em | 1 2 3 4 5 |
| | | |
| 1 2 3 4 5 | 16. PP chăm sóc vệ sinh | 1 2 3 4 5 |

Điền nhét khoanh tròn vào số chỉ mức độ kiến thức chi tiết mong muốn được lĩnh hội (bên trái) và mức độ kiến thức chi tiết hiện tốt công việc của một GV mầm non: ① = rất yếu kém; ② = yếu; ③ = bình thường; ④ = tốt; ⑤ = rất tốt. Ví dụ (VD): Đối với môn *Dinh dưỡng*, bạn mong muốn được trang bị kiến thức ở mức 5, bạn khoanh tròn số 5 (bên phải) trong khi đó chương trình chi tiết trang bị cho bạn được mức độ 3, bạn khoanh tròn số 3 (bên trái).

Về *tổng môn học chuyên ngành* (mỗi bộ môn 1 phiếu): "Xin anh chị hãy đánh dấu vào ô chỉ mức độ mà anh chị cho là thích hợp. Các mức độ được chia như sau: 1 = Rất không đồng ý; 2 = Không đồng ý; 3 = Không có ý kiến; 4 = Đồng ý; 5 = Rất đồng ý. VD: *Đối với bộ môn Sinh lý trẻ, về nhận định số 3: "Khối lượng môn học là quá tải", "nếu bạn đồng ý, bạn đánh dấu (+) vào cột 4, nếu không đồng ý, đánh dấu (-) vào cột 2 (chiều từ trên xuống)".*

Phiếu điều tra chọn mẫu (nội dung thứ 2), (môn học: Sinh lý trẻ)

| STT | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
|-------|--|---|---|---|---|---|
| 1 | Nội dung môn học phù hợp với trình độ | | | | | |
| 2 | Nội dung môn học bổ ích và lí thú | | | | | |
| 3 | Khối lượng môn học là quá tải | | | | | |
| 4 | Khối lượng lí thuyết quá nhiều | | | | | |
| | | | | | | |
| 10 | Kiến thức bộ môn đã thực sự giúp bạn khi bạn đi thực tập | | | | | |

Bộ phiếu điều tra chọn mẫu số 2: dựa vào mục tiêu đào tạo của chương trình để thiết kế

phiếu mẫu nhằm ĐG kết quả - sản phẩm đào tạo. Người được hỏi ý kiến là các cán bộ quản lí ngành học GDMN ở các địa phương. Họ là những hiệu trưởng, hiệu phó các trường mầm non, các cán bộ chỉ đạo chuyên môn GDMN ở các Phòng GD-ĐT, Sở GD-ĐT các địa phương, những người đang sử dụng sản phẩm đào tạo của khoa GDMN. Nội dung phiếu là: *Phiếu điều tra ý kiến của cán bộ quản lí GDMN về SV đã tốt nghiệp của khoa GDMN từ 1998 đến 2000.*

"Để giúp chúng tôi có căn cứ điều chỉnh chương trình, nâng cao chất lượng đào tạo trong những năm tiếp theo, xin chi vui lòng trả lời những câu hỏi sau đây của chúng tôi về chất lượng sản phẩm đào tạo - SV tốt nghiệp hệ chính quy 4 năm của khoa GDMN, trường ĐHSPT Hà Nội từ 1998 - 2000".

Đánh dấu vào ô thích hợp để trả lời câu hỏi: Bộ phiếu điều tra chọn mẫu (số 2) Về trình độ tri thức và kĩ năng nghề nghiệp

| STT | Nội dung | Yếu | Trung bình | Khá | Tốt | Rất tốt |
|-------|---|-----|------------|-----|-----|---------|
| 1 | Trình độ tri thức về KHGD mầm non | | | | | |
| 2 | Kĩ năng lập kế hoạch | | | | | |
| | | | | | | |
| 9 | Kĩ năng tổ chức các hoạt động nghề nghiệp | | | | | |
| 10 | Kĩ năng giao tiếp với trẻ, phụ huynh, các đồng nghiệp | | | | | |

Về khả năng giảng dạy các môn học của GV:

| STT | Nội dung | Yếu | Trung bình | Khá | Tốt | Rất tốt |
|-------|------------------------|-----|------------|-----|-----|---------|
| 1 | PP phát triển ngôn ngữ | | | | | |
| | | | | | | |
| 7 | PP giáo dục thể chất | | | | | |
| 8 | PP chăm sóc vệ sinh | | | | | |

Về nội dung điều tra ĐG *kết quả học tập của SV* ở giai đoạn chuyên ngành, dựa vào kết quả các bài thi học phần chi là một nguồn thông tin để tham khảo bởi cách ĐG của các GV bộ môn hiện nay còn có yếu tố chủ quan (vì phổ biến là người ra đề, chấm thi và dạy là cùng 1 GV) nên độ tin cậy của các điểm số chưa cao.

Quy trình tiến hành để tài NCKH cấp Bộ: "ĐG chương trình đào tạo cử nhân hệ chính quy khoa GDMN trường ĐHSPT Hà Nội", mã số B 2000-75-40 (*), các phiếu điều tra chọn mẫu theo thiết kế nêu trên đã tổ ra là công cụ rất hữu ích trong công tác ĐG chương trình đào tạo cử nhân hệ chính quy tại khoa GDMN trường ĐHSPT Hà Nội □

(*): Để tải đề nghiêm thu với kết quả xuất sắc.